TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hà Ngân

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Ngô Khánh Chi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 01/TB-TLVA ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, theo Quyết định mở phiên họp số 40/2023/QĐ-TA ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 123, đường V, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Kiều H2, sinh năm 1988. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn của chị Lê Thị H1, ý kiến thống nhất toàn bộ yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Kiều H2, cùng các tài liệu có tại hồ sơ, việc dân sự có nội dung:

* Về tình cảm: Chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2018 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Hôn nhân hợp pháp, trên cơ sở tình yêu, tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh H2 và chị H1 chung sống hạnh phúc nH2 về sau do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019, anh H2 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do khoảng cách địa lý và tình cảm phai nhạt từ trước nên cả hai ít liên lạc và không còn quan tâm lẫn nhau. Anh H2 và chị H1 đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc. Đến nay, hai vợ chồng cùng xác

định tình trạng hôn nhân của vợ chồng không thể dung H1, hàn gắn nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 không có con chung.

* Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình anh Nguyễn Kiều H2 đang ở Đài Loan không về Việt Nam được nên không thể tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án, anh H2 đề nghị được giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bố ruột là ông Nguyễn Văn T trú tại thôn L, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận, thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 28, 37, 227, 469, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 57, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của các đương sự. Công nhận chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 thuận tình ly hôn, các vấn đề khác đương sự không yêu cầu, đã thống nhất nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Lê Thị H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Kiều H2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và chị Lê Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Nguyễn Kiều H2 và chị Lê Thị H1 theo thủ tục chung.

[1.2] Tại Công văn số 27245/QLXNC-P5 ngày 14/12/2022 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Cục Quản lý Xuất nhập cảnh Bộ công an thể hiện "Anh Nguyễn Kiều H2, sinh ngày 12/8/1988 lần xuất cảnh gần nhất ngày 25/9/2019 qua Cửa khẩu sân bay Quốc tế Nội Bài và chưa có thông tin nhập cảnh về nước". Căn cứ quy định tại khoản 25 Điều 3, Điều 122, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 29, 37, 39, 464 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nội dung yêu cầu của chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

[1.3] Quá trình giải quyết, anh Nguyễn Kiều H2 thông qua hình thức gọi điện thoại đã trình bày ý kiến liên quan đến nội dung chị Lê Thị H1 khởi kiện. Theo đó, anh Nguyễn Kiều H2 đồng ý ly hôn với chị Lê Thị H1; về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân hai vợ chồng không có con chung; về tài sản chung, nợ chung: Anh H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian đi làm ăn xa, anh Nguyễn Kiều H2 ủy quyền giao, nhận tài liệu cho bố ruột là ông Nguyễn Văn T trú tại thôn L, xã A, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Trên tinh thần Công văn số 253/TANDTCPC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án sẽ tống đạt các tài liệu, văn bản tố tụng cho người được ủy quyền giao nhận tài liệu của đương sự hiện đang ở nước ngoài và quyết định chuyển quan hệ pháp luật từ vụ án Hôn nhân gia đình thành việc Hôn nhân gia đình.

[1.4] Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình, Quyết định mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình cho các đương sự là thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 được xây dựng trên cơ sở tình yêu, tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức, thuần phong mỹ tục, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới công khai. Căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì năm 2019 anh H2 đi lao động tại Đài Loan. Do mẫu thuẫn đã nảy sinh từ trước cộng thêm khoảng cách địa lý nên hai vợ chồng ít liên lạc và không còn quan tâm nhau. Tình cảm vợ chồng dần rạn nứt vì quan điểm sống và cách suy nghĩ của mỗi người khác nhau mà thiếu đi sự thấu hiểu, sẻ chia. Anh H2 và chị H1 đều thừa nhận đã không còn tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn, níu kéo cũng không hạnh phúc. Hai vợ chồng đều khẳng định không thể tiếp tục gắn bó tình cảm nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm H2quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn…" (Điều 55).

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị H1, anh H2 như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa các đương sự, giải quyết cho chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 được thuận tình ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 không có con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận toàn bộ nội dung việc Hôn nhân gia đình; sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị H1 tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 227, 361, 367, 369, 370, 371, 469, 479 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Lê Thị H1 và anh Nguyễn Kiều H2 không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Lê Thị H1 theo biên lai số 0000450 ngày 30/12/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 17/3/2023.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN – CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Hà Ngân